

**Giải thích phân ngành sản phẩm
dùng để lập bảng cân đối liên ngành và
biên soạn hệ số chi phí trung gian năm 2012**

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
001	Thóc khô	Thóc các loại: thóc nếp, thóc tẻ, v.v...
002	Ngô và sản phẩm cây lương thực có hạt khác	Ngô hạt các loại, kê, cao lương, mỳ, mạch
003	Sản phẩm cây lấy củ có chất bột	Sắn, khoai lang, khoai sọ, khoai môn, dong riềng, củ từ, v.v... (trừ khoai tây)
004	Sản phẩm cây có hạt chứa dầu	Đậu tương/đậu nành, lạc, vừng (trừ đậu đen, đậu xanh, đậu vàng, đậu hà lan)
005	Mía cây tươi	Mía cây các loại dùng để chế biến đường, mật và để ăn chừa qua chế biến
006	Rau, đậu các loại	(1) Rau lấy lá, lấy quả, lấy củ, rễ, thân cây (rau muống, cải, cần, bắp cải, dưa hấu, dưa chuột, bí các loại, ớt chuông, cà chua, cà tím, đậu cove, su hào, cà rốt, củ cải, khoai tây, hành, tỏi...), (2) đậu/đỗ các loại gồm cả tươi và khô (đậu đen, đậu xanh, đậu vàng, đậu hà lan, đậu đỏ...)
007	Sản phẩm hoa, cây cảnh	Hoa và hạt giống hoa các loại; cây cảnh gồm đào, quất, bonsai, cây thế...

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
008	Sản phẩm cây hàng năm khác còn lại	(1) Sản phẩm cây lấy sợi (Bông, đay, cói, lanh, gai); (2) Thuốc lá, thuốc lào (3) Sản phẩm các loại của cây hàng năm (bao gồm cả hạt sen, ngô cây, bèo làm thức ăn chăn nuôi...); (4) các sản phẩm phụ của cây hàng năm (bao gồm ngọn mía, rơm, rạ, dây khoai lang, thân cây lạc, thân cây vừng...)
009	Sản phẩm cây ăn quả	Xoài, hồng xiêm, chuối, đu đủ, thanh long, sầu riêng, na, măng cụt, vú sữa, táo, mận, đào, chanh, cam, quýt, nhãn, vải, chôm chôm, dâu tây, kiwi v.v... (trừ quả dứa, dưa hấu)
010	Hạt điều khô	
011	Hạt hồ tiêu	HỒ tiêu hạt các loại chưa rang, xay
012	Mủ cao su khô	Mủ cao su tự nhiên
013	Cà phê nhân	Cà phê hạt chưa rang, chưa khử chất cafein
014	Chè búp tươi, chè lá tươi	Chè lá, chè búp tươi chưa ủ men
015	Sản phẩm cây lâu năm khác còn lại	(1) Sản phẩm cây lấy quả chứa dầu (dừa, ô liu, cọ...); (2) cây gia vị, cây dược liệu (ớt cay, gừng, đinh hương, vani...); cây dược liệu (bạc hà, hồi, tam thất, ngải cứu, sâm...); (3) cây lâu năm khác và sản phẩm phụ của cây lâu năm (lá dâu tằm, hạt ca cao, quả cau,...; cành củi từ cây lâu năm, sơ dừa...); (4) sản phẩm nhân và chăm sóc giống nông nghiệp (cây giống các loại)

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
016	Sản phẩm chăn nuôi trâu, bò	Trâu, bò; sữa trâu, bò nguyên chất; tinh dịch trâu, bò; phôi trâu, bò
017	Sản phẩm chăn nuôi lợn	Lợn, tinh dịch lợn, phôi lợn
018	Sản phẩm chăn nuôi gia cầm	Gà, vịt, ngan, ngỗng, chim cú, bồ câu, đà điểu; trứng gà, vịt, ngan, ngỗng, cú... (bao gồm cả gia cầm giống)
019	Sản phẩm chăn nuôi khác còn lại	(1).Ngựa, lừa, la, dê, cừu, hươu, nai, nhung hươu; sữa dê, cừu nguyên chất; lông cừu; thỏ, chó, mèo, kén tằm, ong, rắn, rùa, côn trùng, vẹt, khướu, họa mi, vàng anh...(2) sản phẩm phụ chăn nuôi (phân lợn, trâu, bò sử dụng,..)
020	Dịch vụ nông nghiệp	Dịch vụ cấy, gieo sạ, tưới nước, làm đất, gặt, tuốt lúa, phun thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích tăng trưởng, kiểm dịch vật nuôi, thiến, hoạn, thụ tinh; cọ rửa chuồng trại, xén lông...
021	Các sản phẩm nông nghiệp khác chưa được phân vào đâu	Sản phẩm săn bắt, đánh bẫy để kinh doanh, làm thực phẩm, lấy lông và da, nghiên cứu, nuôi trong sở thú hay trong gia đình (hải cẩu, hà mã...)
022	Sản phẩm trồng rừng và chăm sóc rừng	Cây lấy gỗ (cây thông, cây sến, cây lim, cây táu, cây bạch đàn, cây lát, cây xoan đào...), cây tre, cây nứa
023	Gỗ khai thác	Gỗ tròn khai thác các loại (gỗ lim, gỗ lát, gỗ xoan đào...)
024	Sản phẩm lâm sản khai thác khác; sản phẩm thu nhặt từ rừng.	Củi, luồng, tre trúc, nứa, song mây, nhựa thông, thảo quả, trầm hương, kỳ nam; lá rong, cánh kiến, mộc nhĩ, trám, nấm dại thu nhặt từ rừng

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
025	Dịch vụ lâm nghiệp	Dịch vụ bảo vệ rừng; Dịch vụ phòng chống sâu bệnh cho cây lâm nghiệp; Dịch vụ phòng cháy, chữa cháy rừng; Dịch vụ đánh giá, ước lượng, số lượng và sản lượng cây lâm nghiệp; Dịch vụ lâm nghiệp khác (gồm: Dịch vụ đốn gỗ, dịch vụ vận chuyển gỗ và lâm sản khai thác đến cửa rừng, dịch vụ môi trường rừng...)
026	Sản phẩm thủy sản khai thác	Cá biển (cá thu, cá chim, cá nục, cá hồng, cá ngừ...); cá nước lợ; cá nước ngọt (rô đồng, hồi, chép, chày, lươn, chạch, cá quả...); tôm các loại, mực, cua biển, cua đồng, ghẹ, nghêu, ngao, sò, rươi, yến sào, ốc, hến, trai, san hô...
027	Sản phẩm thủy sản nuôi trồng	Cá mú/song, cá tầm, cá trê, cá kèo, cá hồi, chép, rô phi, chày, cá quả, diêu hồng, cá tra/basa, cá cảnh các loại, tôm các loại, sò, nghêu, ốc hương, ngọc trai, rong biển, ếch, ba ba, cá sấu...; cá loại cá giống, tôm giống, cua giống...
028	Than cứng và than non	Bao gồm cả than cục và than cám; trừ than non đóng bánh
029	Dầu thô khai thác	Dầu mỏ ở dạng thô, cát hắc ín...
030	Khí tự nhiên dạng khí hoặc hóa lỏng	Khí gas
031	Quặng kim loại và tinh quặng kim loại	Quặng sắt, nhôm, đồng, mangan, niken, crom, kẽm, chì, titan, thiếc, boxit, coban, vàng, bạc, bạch kim...
032	Đá, cát, sỏi, đất sét	Đá granit, bazan, cẩm thạch, đá vôi, thạch cao, sỏi, đá cuội, đất sét, cao lanh...

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
033	Sản phẩm khai khoáng chưa được phân vào đâu	Gồm khoáng hóa chất và khoáng phân bón; than bùn; muối các loại; đá quý bao gồm cả kim cương; quặng thạch anh; quặng amiăng...
034	Dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	Dịch vụ thăm dò dầu khí như lấy mẫu quặng, khoan, đào, thăm dò địa chất; xây dựng, sửa chữa và tháo dỡ thiết bị giàn khoan; bơm, thoát nước...; dịch vụ hỗ trợ khai thác than cứng...
035	Sản phẩm chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	Thịt hộp; thịt tươi, ướp lạnh, đông lạnh các loại; Thịt các loại hun khói, sấy khô; Giò, chả, xúc xích các loại, nội tạng gia súc, gia cầm tươi, ướp lạnh, đông lạnh; lông gia cầm, gia súc; da sống trâu, bò, ngựa, lừa, cừu, lợn...; mỡ sống gia súc, gia cầm; v.v...
036	Thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản chế biến, bảo quản	Cá hộp cá loại; thủy, hải sản tươi, ướp lạnh, đông lạnh các loại; thủy, hải sản hun khói, sấy khô, muối; gan cá, trứng cá, bao tử cá; Nước mắm và mắm các loại; v.v...
037	Rau, quả chế biến	Rau, quả đóng hộp, ướp lạnh, khô; Nước rau, quả tươi, ép; v.v...
038	Dầu, mỡ động, thực vật chế biến	Mỡ lợn, mỡ bò, dầu gan cá, dầu đậu nành, dầu lạc, dầu ô liu, dầu hướng dương, dầu mè, dầu dừa v.v...
039	Sữa và các sản phẩm từ sữa	Sữa các loại (sữa tươi, sữa chua...); kem từ sữa các loại; bơ các loại; phomat các loại; váng sữa các loại; kem lạnh các loại; v.v...
040	Sản phẩm xay xát và sản xuất bột	Gạo lứt; gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ; Cám, tấm; Bột ngũ cốc và rau; bột sắn v.v...

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
041	Đường, mật	Đường mía, đường củ cải, đường phèn, đường thốt nốt v.v...
042	Cacao, sôcôla và mứt kẹo; các sản phẩm bánh từ bột	Bột ca cao, sô cô la, mứt, kẹo cứng, kẹo mềm, kẹo cao su, thạch các loại; bánh các loại
043	Cà phê	Cà phê rang nguyên hạt, cà phê bột các loại
044	Chè (trà)	Chè/trà nguyên cách các loại đã qua chế biến đóng gói, đóng hộp; chè/trà túi lọc
045	Các loại thực phẩm khác còn lại (mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự; các món ăn, thức ăn chế biến sẵn, thực phẩm khác chưa được phân vào đâu...)	Mỳ ống, mì sợi các loại, mì ăn liền, bún, miến, phở, cháo, bánh đa, phồng tôm, đồ ăn chế biến sẵn, bột dinh dưỡng, mì chính, bột nêm, bột gia vị, muối I ốt, muối tinh, giấm, mù tạc, nước sốt các loại, thực phẩm chay, nước tương, xì dầu... (trừ nước mắm)
046	Thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Bao gồm cả thức ăn cho vật nuôi làm cảnh
047	Rượu các loại	Rượu vang, rượu nho, rượu rum, rượu vodka, rượu bồ, rượu nếp
048	Bia	Bia hơi, bia tươi, bia chai, bia lon

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
049	Đồ uống không cồn, nước khoáng	Nước khoáng có ga và không có ga, nước tinh khiết, nước ngọt (cocacola, 7 up...), nước có vị hoa quả, nước yến, nước bổ dưỡng khác không cồn...
050	Sản phẩm thuốc lá	Thuốc lá đầu lọc, thuốc lá không có đầu lọc, thuốc lá lá
051	Sợi, vải dệt thoi sản phẩm dệt hoàn thiện	Xơ bông, dây, gai, lanh, xơ tổng hợp, tơ thô, sợi tơ tầm, chỉ may, vải tơ tầm, vải bông, vải len động vật, vải lanh, vải gai, vải sợi nhân tạo, vải khăn lông...
052	Sản phẩm dệt khác	Vải giả lông thú, vải dệt kim, vải đan móc, chần, ga, khăn mặt, khăn tắm, màn, khăn trải bàn, ren, đăng ten, hàng thêu, nhãn hàng hóa bằng vải, vải nỉ, băng và gạc vệ sinh, vải màn, khăn xô, sản phẩm dệt trang trí nội thất, nệm các loại, mền chần, thảm, dây thừng, lưới đánh cá, chiếu cói v.v...
053	Trang phục các loại bao gồm trang phục bằng vải dệt thoi, dệt kim, đan móc, da thuộc, da tổng hợp và Dịch vụ sản xuất trang phục	Quần, áo, váy các loại bằng vải dệt thoi, dệt kim, đan, móc, da, lông thú mặc thường ngày, lễ hội, thể thao; khăn tay, khăn quàng cổ, mạng che mặt, nơ, cà vạt, găng tay các loại, tất chân, mũ đội đầu (trừ mũ cao su, mũ nhựa, mũ bảo hiểm, mũ amiăng)...
054	Da, lông thú và các sản phẩm có liên quan	Da thuộc, lông thú sơ chế, va ly, túi xách, cặp xách, ba lô, ví, dây tết bằng da để trang sức, yên đệm...
055	Giày, dép và dịch vụ sản xuất giày, dép	Giày, dép các loại dùng hàng ngày, chơi thể thao; lót đế giày, đệm gót giày...
056	Sản phẩm chế biến từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	Gỗ đã cưa, xẻ, bào, soi, tiện; vỏ bào, dăm gỗ; gỗ dán, ván ép các loại, tay vịn cầu thang, con tiện cầu thang, cốp pha, xà gỗ, panen, cột, trụ, xà dầm, khuôn cửa bằng gỗ, cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ, gỗ ốp và lát các loại, hòm gỗ các loại, quan tài, tượng gỗ, khung tranh ảnh bằng gỗ, màn tre, trúc, chiếu

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
		trúc, chiếu tre, sản phẩm mây tre đan các loại, chổi tre...
057	Giấy và các sản phẩm từ giấy	Bột giấy, giấy các loại, bì, bao bì bằng giấy, thùng carton, giấy vệ sinh, khăn giấy, băng vệ sinh, tã giấy trẻ em, sổ, sách, phong bì, bưu thiếp...
058	Dịch vụ in, sao chép bản ghi các loại	Dịch vụ in báo, in sách; dịch vụ sao chép băng đĩa, video, phần mềm v.v...
059	Than cốc	Than cốc và bán cốc luyện từ than đá, than non, than bùn; gas cốc, hắc ín...
060	Nhiên liệu dầu và xăng; dầu mỡ bôi trơn	Dầu hỏa, dầu diezen, dầu mazut, dầu nhờn, dầu nhờn tổng hợp, dầu nhớt, xăng các loại...
061	Sản phẩm chế biến từ dầu mỡ còn lại	Than bánh, vazolin, sáp parafin, cặn dầu mỡ v.v...
062	Hóa chất cơ bản	Hydro, oxi, nito, khí carbonic công nghiệp, crom oxit, hydroxit, chì, đồng, chất nhuộm, chất màu, axit clohydric, axit sunfuric, lưu huỳnh, ete, than củi, cồn etilic, ure v.v...
063	Phân bón và hợp chất nitơ	Phân đạm ure, phân supe photphat, phân kali, phân nito, phân khoáng và phân hóa học, phân động vật hoặc thực vật v.v...
064	Plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	Polyme từ etylen, từ styren, nhựa ankyt, nhựa amio, nhựa phenolic, silicon... dạng nguyên sinh; cao su tổng hợp, cao su tự nhiên dạng nguyên sinh...

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
065	Thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	Thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt nấm, thuốc diệt cỏ, thuốc khử trùng v.v...
066	Sản phẩm hóa chất khác; sợi nhân tạo	Sơn các loại, véc ni, men sứ, men sành, màu dùng trong hội họa, trang trí; ma tít; mực in; mỹ phẩm trang điểm, dầu gội, dầu xả, keo tóc, thuốc ép tóc, thuốc xoắn tóc, kem đánh răng, chỉ nha khoa, nước xịt phòng, nước lăn khử mùi, kem cạo râu, nước hoa, tinh dầu thơm các loại, xà phòng các loại, bột giặt, nước xả vải, xi đánh bóng, thuốc nổ, pháo nổ các loại, diêm, keo dán, phim chụp ảnh, giấy ảnh; tơ, lanh, chỉ, sợi nhân tạo hoặc tổng hợp v.v...
067	Thuốc các loại; Hóa dược và dược liệu	Thuốc chữa bệnh các loại, vắc xin các loại, thuốc tránh thai, cao dán, bông băng gạc y tế v.v...
068	Sản phẩm từ cao su	Săm, lốp cao su, bao cao su, núm vú cao su, găng tay cao su, ống cao su, tấm lót cao su v.v...
069	Sản phẩm từ plastic	Bao, túi nilon, hộp nhựa, thùng nhựa, tủ nhựa, cốc nhựa, ghế nhựa, bàn ghế nhựa, ống nhựa, chậu nhựa, xô nhựa, cửa các loại bằng nhựa, đồ điện bằng nhựa, núm vú nhựa v.v...
070	Thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	Cốc, ly, bình đựng, lọ hoa, kính, gương soi, chai, lọ, ruột phích, v.v...
071	Gạch, ngói, đá lát và các sản phẩm xây dựng bằng đất sét nung	Gạch viên, gạch ốp, gạch lát, gạch trang trí, ngói lợp, ngói trang trí, ống khói, ống dẫn bằng gốm sứ, v.v... (không chịu lửa)
072	Xi măng các loại	Clanhke xi măng, xi măng chịu nước, xi măng trắng, xi măng đen v.v...

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
073	Sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu (trừ xi măng; gạch, ngói, đá lát và các sản phẩm xây dựng bằng đất sét nung)	Gạch chịu lửa, ngói chịu lửa, đồ gốm chịu lửa, xi măng chịu lửa,
074	Sản phẩm gang, sắt, thép	Cọc thép, sắt; ống dẫn, vật liệu xây dựng đường ray xe lửa, xe điện bằng sắt thép; dây sắt, dây thép v.v...
075	Sản phẩm kim loại màu, kim loại quý và dịch vụ đúc kim loại	Vàng, bạc, bạch kim dạng khối, miếng; đồ trang sức bằng vàng, bạc, bạch kim; sản phẩm từ nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, niken; v.v...
076	Sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	Cột, trụ, hàng rào, cửa sổ, cửa ra vào... bằng sắt, thép, nhôm, gang...; thùng, bể chứa, hòm... bằng kim loại; nồi hơi; các loại vũ khí quân sự, súng hơi, súng săn, đạn súng, bom, mìn, lựu đạn...; dao, kéo, dao cạo râu, bấm móng tay chân, dao đục giấy, tông đơ cắt tóc, gọt bút chì, thìa, đĩa, đũa, bát nhôm, bát sắt, cốc nhôm, cốc sắt, chậu nhôm, chậu sắt, chậu đồng, cặp lồng, chảo bằng kim loại, khóa móc, ổ khóa, bản lề, khung, giá, lưới cửa các loại, kìm, giũa, cờ lê, mỏ lết, đinh, ốc, vít, búa, bào, tuốc nơ vít, ghim cài tài liệu, ghim kẹp tài liệu bằng kim loại, lò xo, que hàn, xích bằng kim loại, kim khâu, ghim dập, khay đựng bằng kim loại, kết sắt an toàn, tranh tượng bằng kim loại, móc khóa, móc giày dép, khóa thắt lưng v.v...
077	Sản phẩm linh kiện điện tử; máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính	Màn hình LCD, usb, máy vi tính, máy tính cá nhân, laptop, máy ATM, máy in, máy scan, chuột máy tính, bàn phím máy tính, bút quang, máy chiếu, máy photocopy, ổ đĩa cứng, ổ đĩa mềm, v.v...
078	Thiết bị truyền thông (điện thoại, máy fax, ăng ten, modem...)	Máy quay truyền hình, camera truyền hình, chuông báo các loại, còi, điện thoại, ipat, ăng ten, modem, v.v...

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
079	Sản phẩm điện tử dân dụng	Ti vi, đài radio, máy quay phim cá nhân dùng trong gia đình, máy ghi âm, bộ khuếch đại âm thanh, thẻ ATM các loại loa, dây ăngten, v.v...
080	Thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; đồng hồ; thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử y học, điện liệu pháp; thiết bị và dụng cụ quang học; băng, đĩa từ tính và quang học	La bàn, cân tiểu ly (cân có độ nhạy cao), thước, compa, ampe kế, vôn kế, nhiệt kế (trừ nhiệt kế dùng trong y tế), kính hiển vi, đồng hồ các loại (trừ được làm bằng kim loại quý); máy x-quang, máy siêu âm, máy chụp cắt lớp, máy điện tim v.v... dùng trong y tế; máy ảnh kỹ thuật số, máy ảnh du lịch, ống kính máy ảnh, máy quay phim (trừ máy quay phim dùng trong truyền hình, máy quay phim cá nhân dùng trong gia đình), máy chiếu và màn hình chiếu slide, máy chiếu phim, kính cận, kính lão, kính viễn, ống nhòm, băng đĩa cd, băng đĩa từ, băng đĩa dvd, vcd chứa ghi
081	Mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	Máy phát điện xoay chiều, ổn áp lioa, cầu chì, máy biến thế điện, v.v...
082	Pin và ắc quy	Pin tiểu, pin đũa, pin cúc áo, ắc quy điện v.v...
083	Dây và thiết bị dây dẫn	Dây, sợi cáp quang học; dây, cáp điện và điện tử; dây điện các loại, công tắc điện, đui đèn điện, phích cắm điện, ổ cắm điện, v.v...
084	Thiết bị điện chiếu sáng	Bóng đèn điện các loại, bóng đèn và các đồ trang trí chiếu sáng bằng điện, đèn chạy bằng ắc quy, đèn bàn, đèn ngủ, biển hiệu được chiếu sáng bằng điện, đèn chùm, đèn báo hiệu, đèn cao áp v.v...
085	Đồ điện dân dụng (tủ lạnh gia đình, máy rửa bát, máy giặt, máy hút bụi,...)	Tủ lạnh, tủ đông, máy rửa bát gia đình, máy giặt, máy sấy quần áo, quạt điện, chăn điện, bếp điện, bình siêu tốc, bình đun nước bằng điện, máy sấy tóc, bàn là, lò vi sóng, nồi cơm điện, lò nướng, nồi nấu, máy hút bụi, máy xay, máy cạo râu, tông đơ cắt tóc, bếp ga, bình nước nóng, nồi ủ chân không, v.v...

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
086	Thiết bị điện khác	Nam châm, kim từ điển, bút thử điện, ống cách điện không phải là gốm, sứ, thủy tinh; chuông điện, chuông báo động, v.v...
087	Máy thông dụng	Máy bơm, máy nén cọc, vòi nước, van một chiều, lò nung, ròng rọc, cần cẩu, xe nâng xếp, bốc dỡ hàng, thang máy, cáp treo, máy xúc, máy ủi, máy tính bỏ túi (máy tính chỉ dùng tính toán đơn giản), máy tính tiền, máy đếm tiền, máy photocopy, máy fax, máy in, máy gọt bút chì, máy khoan các loại (loại dụng cụ cầm tay có gắn động cơ điện), cửa các loại, máy điều hòa không khí các loại; tủ lạnh, tủ đông dùng để trưng bày hàng hóa (trừ dùng trong gia đình), quạt công nghiệp, máy lọc nước, bình cứu hỏa, cân máy (dùng trong công nghiệp đo trọng lượng lớn), cân cá nhân và cân dùng trong gia đình (cân người, cân hàng hóa...), máy bán hàng tự động, máy hàn, máy cán ép kim loại, ống xì, dụng cụ hàn cắt kim loại, v.v...
088	Máy chuyên dụng	Máy kéo, máy cày, máy bừa, máy xới, máy cào, máy làm cỏ, máy cuốc, máy cắt cỏ, máy gieo hạt, máy rắc phân, máy gặt, máy đập, máy tuốt lúa, máy gặt đập liên hợp, giàn tưới phun sương, thiết bị phun thuốc trừ sâu, máy vắt sữa, máy ấp trứng, máy nghiền nông sản; máy công cụ để gia công kim loại; máy tiện, máy khoan (máy to dùng để gia công kim loại), máy doa, máy phay, máy mài, máy đánh bóng, máy bào, máy ép... để gia công kim loại; máy cửa đá, bê tông, máy cửa gỗ, máy xẻ gỗ, lò luyện kim, máy cán ống, máy khoan đất, máy đào đất, xe ủi, xẻng, xe lăn đường, máy trộn xi măng, máy sàng phân loại đất đá, máy xay sát, lò nướng bánh công nghiệp, máy sấy nông sản; máy trong ngành dệt, da; máy khâu, máy thêu; máy đóng sách, máy in trong ngành công nghiệp in, rô bốt công nghiệp, v.v...
089	Ô tô các loại	Xe ô tô chở khách 2 chỗ, 4 chỗ, 5 chỗ, 7 chỗ, 9 chỗ, trên 10 chỗ; xe ô tô đua; xe ô tô chở hàng hóa dưới 5 tấn v.v...

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
090	Xe có động cơ còn lại (trừ ô tô các loại)	Xe rơ móc, xe kéo, xe container, xe tải cần trục, xe cứu hỏa, xe trộn bê tông, xe phun nước, xe hút bể phốt, xe cứu thương; bộ phận phụ tùng của xe có động cơ, xe rơ móc v.v...
091	Tàu và thuyền	Tàu hải quân, tàu chở khách, tàu chở hàng khô, tàu chở chất lỏng và khí hóa lỏng, tàu đông lạnh, tàu đánh bắt thủy hải sản, tàu bảo quản, chế biến hàng thủy hải sản, tàu lai dắt, tàu kéo đẩy, tàu hút nạo vét, cần cầu nổi, dàn khoan nổi, phao, phao nổi, thuyền buồm, ca nô, thuyền chơi thể thao, du thuyền, v.v...
092	Mô tô, xe máy	Xe mô tô, xe thùng, xe đạp điện, xe máy các loại, xe máy đua
093	Phương tiện vận tải khác còn lại	Xe lửa, tàu điện, máy bay, tàu vũ trụ, khinh khí cầu, xe tăng, xe bọc thép, xe đạp, xe lăn cho người tàn tật, xe đẩy trẻ em, xe kéo hàng, xe đẩy hàng, xe cút kít, xe bò kéo v.v...
094	Giường, tủ, bàn, ghế	Bàn, ghế gỗ, trúc, nhựa, inox, da, giả da... trong gia đình; tủ đứng, tủ góc, tủ đầu giường, bàn phấn, bàn học, tủ bếp ... bằng gỗ, trúc, kim loại, nhựa trong gia đình; giường gỗ, giường xếp, đệm giường bằng cao su hoặc nhựa hoặc xốp, đệm lò xo v.v...
095	Đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan; Nhạc cụ; Dụng cụ thể dục, thể thao; Đồ chơi, trò chơi	Tiền kim loại (vàng, bạc, đồng), ngọc trai, đá quý đã gia công nhưng chưa thành đồ trang sức, kim cương công nghiệp, đồ mỹ nghệ bằng kim loại, dát kim loại; đàn piano, đàn violon, đàn tam thập lục, đàn óc gan, kèn đồng, kèn trumpet, kèn saccophone, sáo, đàn tơ rưng, vợt tennis, bóng đá, bóng bàn, bóng tennis, găng tay thể thao, vợt thể thao, bể bơi thông minh, bể bơi lắp ghép, cần câu, lưỡi câu, dây câu, rổ bóng rổ, búp bê, thú nhồi bông, xe điện đồ chơi, bộ đồ chơi lắp ghép, bộ xếp hình, xe đạp ba bánh, xe lắc, xe scutter, thú nhún, bóng nhựa, bóng cao su, đồ chơi nhạc cụ, bộ bài tú lơ khơ, bài tam cúc, bộ cá ngựa, v.v...

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
096	Thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	Ống tiêm, kim tiêm, kính cận, kính viễn, kính râm, kính bảo hộ, ghế nha khoa, ghế cắt tóc, máy hô hấp, máy ô xy, dao mổ, v.v....
097	Sản phẩm khác chưa được phân vào đâu	Chổi các loại (bao gồm cả chổi trang điểm), bàn chải, bút viết các loại, mũ bảo hiểm, mũ bảo hộ, phấn viết, đăng ten, ruy băng, ô, dù, khuy các loại, khóa kéo (bao gồm cả phéc mơ tuya); tóc, lông động vật dùng làm tóc giả; bột lửa, lược, kẹp tóc, nến; hoa, quả, lá bằng nhựa; v.v...
098	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay, đầu máy xe lửa, xe ngựa, xe trâu bò kéo, tàu, thuyền; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt điều hòa không khí, máy phát điện, máy nước nóng, máy vi tính và thiết bị văn phòng, tủ lạnh, ti vi; sửa chữa bảo dưỡng mái che, máy chơi game, các nhạc cụ; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện; sửa chữa đồng hồ, máy ảnh, máy camera v.v...
099	Thuỷ điện	Điện được sản xuất từ thuỷ điện
100	Nhiệt điện	Điện được sản xuất từ nhiệt điện
101	Điện khác	Điện sản xuất từ điện nguyên tử, điện khí, điện gió,...
102	Dịch vụ truyền tải và phân phối điện	Dịch vụ truyền tải điện, dịch vụ bán điện, dịch vụ phân phối điện
103	Khí đốt, dịch vụ phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	Khí than đá, dịch vụ phân phối khí bằng đường ống, dịch vụ bán khí bằng đường ống; biogas

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
104	Hơi nước, nước nóng, nước đá; dịch vụ phân phối hơi nước, nước nóng, nước đá và điều hoà không khí bằng đường ống	Hơi nước, nước nóng, nước đá, dịch vụ phân phối nước nóng, nước đá, hơi nước; dịch vụ bán nước nóng, nước đá, hơi nước
105	Nước tự nhiên khai thác	Nước khai thác từ nước ngầm, sông, hồ (kể cả uống được và không uống được)
106	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải	Dịch vụ vận hành hệ thống thoát nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển nước thải; dịch vụ bảo dưỡng, làm sạch cống rãnh và ống dẫn; dịch vụ làm sạch bể phốt và bể chứa, dịch vụ xử lý nước thải bằng quy trình vật lý, hóa học và sinh học
107	Dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	Dịch vụ thu gom rác thải các loại, dịch vụ phân loại và chuẩn bị xử lý rác thải các loại, dịch vụ xử lý rác thải, dịch vụ chôn lấp đất vệ sinh tiêu huỷ rác thải, dịch vụ thiêu đốt rác thải, dịch vụ tiêu huỷ rác thải bằng phương pháp hóa học; dịch vụ tháo dỡ các cấu kiện của tàu, thuyền, ô tô, máy bay, máy móc thiết bị khác; dịch vụ tái chế phế liệu, vật liệu kim loại và phi kim loại chuẩn bị tái chế v.v...
108	Dịch vụ xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	Dịch vụ làm sạch và xử lý tại chỗ không khí, nước bề mặt, nước ngầm; dịch vụ làm sạch mặt bằng, dịch vụ kiểm tra và giám sát v.v...
109	Nhà để ở	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà chung cư các cấp (cấp 1: trên 25 tầng, cấp 2 từ 9-25 tầng, cấp 3 từ 4-8 tầng, cấp 4 dưới 3 tầng); - Nhà ở riêng lẻ cấp 4 (Là loại nhà trệt (hoặc có gác lửng), có niên hạn sử dụng dưới 20 năm, chất lượng sử dụng thấp, kết cấu chịu lực bằng gỗ, sườn gỗ, tường xây, mái lợp ngói hoặc tole); - Nhà ở riêng lẻ cấp 3 (Có niên hạn sử dụng trên 20 năm; chất lượng sử dụng trung bình; số tầng tối đa 2 tầng (1 lầu); kết cấu chịu lực bằng trụ BTCT; tường xây; mái lợp ngói hoặc tole, Fibrociment; sàn đúc; nền xi măng hoặc lát gạch hoa, gạch men)

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
		<ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở riêng lẻ cấp 2 (Có niên hạn sử dụng trên 50 năm, chất lượng sử dụng khá, phòng ngủ, sinh hoạt, bếp, vệ sinh riêng biệt, có sử dụng một số loại vật liệu hoàn thiện ốp trang trí, đủ các thiết bị điện, nước. Số tầng nhà tối đa là 3 tầng (2 lầu); kết cấu chịu lực bằng BTCT; tường xây bê tông; mái lợp ngói có hệ thống cách nhiệt hoặc đúc; sàn đúc; nền xi măng hoặc lát gạch men - Nhà ở riêng lẻ cấp 1 (Nhà có niên hạn sử dụng trên 100 năm, chất lượng sử dụng cao (đủ các phòng ngủ, phòng ăn, tiếp khách, bếp, vệ sinh riêng biệt và cùng tầng với căn phòng hộ, sử dụng vật liệu hoàn thiện, trát, lát, ốp, trang trí cao cấp, đủ các thiết bị điện; nước). Số tầng nhà không hạn chế; kết cấu chịu lực bằng bê tông cốt thép, tường xây hoặc bê tông; mái lợp ngói có hệ thống cách nhiệt hoặc đúc; sàn đúc, nền xi măng hoặc lát ngói gạch hoa, gạch men.); - Biệt thự (Là loại nhà riêng biệt có sân vườn (cây xanh, thảm cỏ, vườn hoa, mặt nước) có tường rào và lối ra, vào riêng biệt; bên trong biệt thự có đầy đủ và hoàn chỉnh các buồng phòng ở tiện nghi. Mỗi tầng ít nhất có 2 phòng ở quay mặt ra sân hay vườn. Trang thiết bị kỹ thuật vệ sinh có chất lượng cao hoặc tương đối cao; kiến trúc, mỹ thuật trang trí hoàn thiện. Ngôi nhà có kết cấu chịu lực bằng khung cột BTCT hoặc tường gạch chịu lực; sàn gỗ hoặc bê tông có lát vật liệu chất lượng cao, mái lợp ngói có hệ thống cách nhiệt hoặc đúc BTCT); - Nhà tạm để ở (Là loại nhà không bảo đảm mức độ sử dụng, tiện nghi tối thiểu, thiếu các diện tích bảo đảm nhu cầu sinh hoạt tối thiểu. Xây dựng bằng các vật liệu tạm thời, dễ cháy, có niên hạn sử dụng 5 năm)
110	Nhà các loại còn lại và dịch vụ xây dựng nhà	Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường phổ thông các cấp, trường đại học và cao đẳng, trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề, trường công nhân kỹ thuật, trường nghiệp vụ; Bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa từ trung ương đến địa phương, các phòng khám đa khoa, khám chuyên khoa khu vực, trạm y tế, nhà hộ sinh, nhà điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, nhà dưỡng lão, phòng chống dịch bệnh và các cơ sở y tế khác; Sân vận động, nhà thi đấu, tập

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
		<p>luyện; Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc; Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; Chùa, đền, miếu, nhà thờ; Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cửa hàng, nhà hàng ăn uống, giải khát; khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ, ký túc xá; bưu điện, bưu cục, nhà lắp đặt thiết bị thông tin, đài lưu không; ga tàu hỏa, nhà ga sân bay, bến tàu, bến xe, gara, nhà kho, nhà xưởng sản xuất; trụ sở làm việc, văn phòng có cả văn phòng cho thuê; v.v...; dịch vụ xây dựng nhà trọn gói do các tổ chức đăng ký kinh doanh cung cấp; v.v...</p>
111	Đường sắt, dịch vụ xây dựng đường sắt	Đường ray xe lửa trên mặt đất, đường ray trên cao, đường ray ngầm; dịch vụ sửa chữa, thay thế, sơn đường, lắp biển báo, lắp các đường chắn tàu v.v...
112	Công trình đường bộ, dịch vụ xây dựng đường bộ	Đường quốc lộ, đường tỉnh lộ, đường liên huyện, đường liên xã, đường liên thôn, đường đô thị, đường chuyên dùng (là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân), đường cao tốc, đường sân bay, đường vượt cho người đi bộ; cầu các loại gồm cả cầu vượt, đường cao tốc trên cao, đường ngầm gồm cả hầm đường bộ; v.v...
113	Công trình công ích và dịch vụ xây dựng công trình công ích và Công trình kỹ thuật dân dụng khác	Đường ống dẫn khí từ mỏ dầu ngoài khơi vào bờ, nội vùng và đường dài, đường ống dẫn chất lỏng nội vùng và đường dài; hệ thống thoát nước ngầm, kênh tưới tiêu, hệ thống phân phối nước, trạm bơm nước, hệ thống thải, nhà máy xử lý nước, nhà máy xử lý nước thải; Tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình; nhà máy thủy điện nhà máy nhiệt điện, nhà máy điện hạt nhân; cảng sông, cảng biển, đập thủy điện, đập hồ nước, đê, công trình chắn sóng, nắn dòng chảy, cửa cống; Công viên, khu vui chơi giải trí, vườn bách thú, vườn bách thảo; v.v...
114	Dịch vụ xây dựng chuyên dụng	Dịch vụ phá dỡ công trình; dịch vụ khoan thăm dò địa chất, địa lý liên quan đến công trình; dịch vụ lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp và thoát nước, lắp đặt hệ thống gas và khí đốt, lắp đặt hơi nước, thông gió và điều hòa không khí; dịch vụ trát vôi, vữa, bả ma tít; dịch vụ lắp ghép, lợp ngói,

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
		lợp mái, dịch vụ sơn, dịch vụ chống thấm, dịch vụ đóng cọc, làm móng, dịch vụ dựng giàn giáo, dịch vụ đổ bê tông, dịch vụ xây, v.v...
115	Dịch vụ bán ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	Dịch vụ bán buôn và bán lẻ ô tô các loại, xe máy các loại, mô tô các loại ; xe có động cơ khác cá loại (bao gồm cả xe đã qua sử dụng và xe mới)
116	Dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, xe ô tô, xe mô tô, xe đạp điện, xe có động cơ khác (bao gồm cả dịch vụ sơn lại xe, thay khóa, rửa xe, đánh bóng xe, làm nội thất xe, v.v...; và dịch vụ bán buôn, bán lẻ các bộ phận, phụ tùng của xe ô tô, xe máy, xe mô tô, xe đạp điện và xe có động cơ khác)
117	Dịch vụ bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	Dịch vụ bán buôn và đại lý bán thóc các loại, gia súc, gia cầm, thủy hải sản; dịch vụ bán buôn và đại lý bán thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; dịch vụ bán buôn và đại lý bán thịt gia súc, gia cầm, thủy hải sản và các sản phẩm chế biến từ gia súc, gia cầm, thủy hải sản; dịch vụ bán buôn và đại lý bán gạo các loại; dịch vụ bán buôn và đại lý bán rau, củ, hoa quả các loại; dịch vụ bán buôn và đại lý chè, cà phê; dịch vụ bán buôn và đại lý bán sữa, bánh kẹo, dầu mỡ, đường, rượu, bia, nước ngọt, nước khoáng, thuốc lá...; dịch vụ bán buôn và đại lý bán vải, sợi, chăn, ga, gối, đệm, quần áo, túi, giấy dếp, dược phẩm, hóa mỹ phẩm; dịch vụ bán buôn và đại lý bán đồ dùng, thiết bị gia đình, đồ điện gia dụng; dịch vụ bán buôn và đại lý bán xe đạp; dịch vụ bán buôn và đại lý sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; dịch vụ bán buôn và đại lý bán xi măng, gạch, sắt, thép và vật liệu xây dựng khác; dịch vụ bán buôn và đại lý bán phân bón, thuốc trừ sâu; dịch vụ bán buôn và đại lý bán các loại máy móc, thiết bị văn phòng (gồm cả nội thất văn phòng), máy vi tính, băng, đĩa, nhạc cụ, đồ thể thao; v.v...
118	Dịch vụ bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	Dịch vụ bán lẻ bán thóc các loại, gia súc, gia cầm, thủy hải sản; dịch vụ bán lẻ bán thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; dịch vụ bán lẻ bán thịt gia súc, gia cầm, thủy hải sản và các sản phẩm chế biến từ gia súc, gia cầm, thủy hải sản; dịch vụ bán lẻ bán gạo các loại; dịch vụ bán lẻ bán rau, củ, hoa

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
		quả các loại; dịch vụ bán lẻ chè, cà phê; dịch vụ bán lẻ bán sữa, bánh kẹo, dầu mỡ, đường, rượu, bia, nước ngọt, nước khoáng, thuốc lá...; dịch vụ bán lẻ bán vải, sợi, chăn, ga, gối, đệm, quần áo, túi, giày dép, dược phẩm, hóa mỹ phẩm; dịch vụ bán lẻ bán đồ dùng, thiết bị gia đình, đồ điện gia dụng; dịch vụ bán lẻ xe đạp; dịch vụ bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; dịch vụ bán lẻ bán xi măng, gạch, sắt, thép và vật liệu xây dựng khác; dịch vụ bán lẻ bán phân bón, thuốc trừ sâu; dịch vụ bán lẻ bán các loại máy móc, thiết bị văn phòng (gồm cả nội thất văn phòng), máy vi tính, băng, đĩa, nhạc cụ, đồ thể thao; dịch vụ bán lẻ quần áo, giày dép, túi xách đã qua sử dụng; dịch vụ bán lẻ sách báo, truyện, tạp chí cũ; dịch vụ bán lẻ hàng lưu niệm, tranh ảnh; v.v...
119	Dịch vụ vận tải hành khách đường sắt	Dịch vụ vận tải hành khách bằng đường sắt liên tỉnh, liên quốc gia (bao gồm cả dịch vụ lưu trú của toa ngủ, dịch vụ ăn uống dành cho hành khách trên tàu)
120	Dịch vụ vận tải hàng hóa đường sắt	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành như hàng hóa đông lạnh hoặc ướp lạnh, chất lỏng hoặc chất khí có khối lượng lớn, hàng container, bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa khô, hàng rời v.v...
121	Dịch vụ vận tải bằng xe buýt, Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác	Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe khách, ô tô buýt các tuyến nội thành, ngoại thành, nội tỉnh, ngoại tỉnh; dịch vụ vận tải đưa đón học sinh, chở nhân viên, chở người lao động theo hợp đồng; dịch vụ vận tải hành khách bằng tàu điện ngầm, tàu điện, taxi, xe lam, xe lôi, xe máy, xích lô, xe đạp, cáp treo; dịch vụ cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; v.v...
122	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, Dịch vụ vận tải đường ống	Dịch vụ vận tải hàng hóa thông thường, gia súc, gia cầm, nông lâm sản, đồ đạc... bằng ô tô, xe bồn, xe đông lạnh, container, xe động vật kéo, xe lam, xe lôi, xe công nông, xe thô sơ; dịch vụ vận tải thư, bưu phẩm, bưu kiện; dịch vụ vận tải khí, khí hóa lỏng, xăng dầu, nước, bùn, than... bằng đường ống;

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
123	Dịch vụ vận tải hành khách đường thủy	Dịch vụ vận tải hành khách bằng tàu, thuyền du lịch hoặc tham quan, bằng phà, xuồng taxi, ghe, xuồng (bao gồm cả loại có gắn động cơ và không gắn động cơ) trên sông, hồ, kênh, rạch; dịch vụ vận tải hành khách viễn dương...
124	Dịch vụ vận tải hàng hoá đường thủy	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng tàu, thuyền, phà, xuồng taxi, ghe, xuồng (bao gồm cả loại có gắn động cơ và không gắn động cơ), tàu kéo, tàu đẩy trên sông, hồ, kênh, rạch; dịch vụ vận tải hành khách viễn dương...; dịch vụ cho thuê tàu có thủy thủ đoàn, cho thuê thuyền, ghe, xuồng máy có người lái để vận chuyển hàng hóa; dịch vụ vận tải hàng hóa ven biển, viễn dương; dịch vụ kéo đẩy v.v...
125	Dịch vụ vận tải hành khách hàng không	Dịch vụ vận tải hành khách bằng đường không theo lịch trình, theo hợp đồng thuê mướn; dịch vụ vận tải hành khách các chuyến bay ngắm cảnh, tham quan bằng tàu bay, tàu vũ trụ; dịch vụ cho thuê máy bay, tàu bay chở khách có kèm người điều khiển v.v...
126	Dịch vụ vận tải hàng hoá hàng không	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường không theo lịch trình, theo hợp đồng thuê mướn; dịch vụ vận tải hàng hóa bằng tàu bay, tàu vũ trụ; dịch vụ cho thuê máy bay, tàu bay chở hàng hóa có kèm người điều khiển v.v...
127	Dịch vụ kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ cho vận tải	Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, kho ngoại quan; dịch vụ kho bãi và lưu giữ chứa khí ga, chất lỏng; dịch vụ kho bãi và lưu giữ thóc, gạo; dịch vụ kéo, đẩy đầu máy xe lửa, toa xe trong vận tải đường sắt; dịch vụ của nhà ga đường sắt, dịch vụ bể ghi, điều độ mạng đường sắt; dịch vụ điều hành bến xe buýt; dịch vụ điều hành hoạt động ở các bãi đỗ xe, gửi xe; dịch vụ cứu hộ, kéo xe bị hỏng; dịch vụ điều hành hoạt động ở cảng biển, sông; dịch vụ hoa tiêu, lai dắt tàu thuyền; dịch vụ cứu hộ và trục vớt tàu thuyền; dịch vụ điều hành bay, dịch vụ điều hành cảng hàng không, dịch vụ kiểm soát không lưu; dịch vụ bốc xếp hàng hóa; dịch vụ đại lý tàu biển (làm thủ tục cho tàu ra/vào cảng, thu xếp tàu lai dắt, thu hộ, trả hộ tiền cước, ký kết các hợp đồng có liên quan...); v.v...

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
128	Dịch vụ bưu chính và chuyển phát	Dịch vụ nhận, phân loại đóng gói báo chí, tạp chí xuất bản định kỳ, bưu phẩm, bưu kiện; dịch vụ chuyển và phân phối thư từ, bưu phẩm, bưu kiện; bán tem bưu phí, xác nhận giá trị bưu phẩm; dịch vụ chuyển phát nhanh thư từ, bưu phẩm, bưu kiện v.v...
129	Dịch vụ lưu trú	Dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu nghỉ dưỡng, nhà trọ, nhà khách, ký túc xá; dịch vụ nghỉ trọ trên xe lưu động v.v...
130	Dịch vụ ăn uống	Dịch vụ ăn uống trong nhà hàng, quán ăn, khách sạn, quán ăn đường phố; dịch vụ phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới tại địa điểm theo yêu cầu; dịch vụ của các máy bán đồ ăn, đồ uống tự động; dịch vụ nấu cỗ cưới, tiệc, hội nghị của các khách sạn, nhà hàng có đăng ký kinh doanh v.v...
131	Sản phẩm xuất bản	Sách giáo khoa, sách truyện, từ điển, bản đồ, sách thông tin, tờ rơi quảng cáo, sách báo mạng, báo, tạp chí và các ấn phẩm xuất bản khác, báo điện tử, bưu thiếp, tranh ảnh, vé tàu, xe, lịch, tem thư; phần mềm trò chơi máy tính, trò chơi điện tử trực tuyến; v.v...
132	Dịch vụ điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc	Phim điện ảnh, kỹ xảo điện ảnh, phim video, chương trình truyền hình, dịch vụ biên tập phim, chương trình truyền hình, dịch vụ truyền và nhân bản phim gốc, dịch vụ lợi bình, tiêu đề và ghi phụ đề phim, dịch vụ phát hành phim và chương trình truyền hình, dịch vụ chiếu phim cố định và lưu động; dịch vụ thu âm, nhạc in thành sách, nhạc điện tử, băng đĩa nhạc, dịch vụ giấy phép bản quyền sử dụng bản gốc âm nhạc, dịch vụ phát hành âm nhạc; v.v...
133	Dịch vụ phát thanh, truyền hình	Dịch vụ phát thanh, dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh, kênh chương trình phát thanh, dịch vụ truyền hình trực tuyến, truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh; bản gốc phát thanh, bản gốc truyền hình; v.v...
134	Dịch vụ viễn thông	Dịch vụ điện thoại cố định, dịch vụ mạng chủ internet, dịch vụ truy cập internet qua 1268, 1269; dịch vụ điện thoại di động, dịch vụ truy cập internet băng thông rộng, dịch vụ phát chương trình qua mạng viễn thông, dịch vụ truy cập internet 3g, dịch vụ viễn thông vệ tinh, dịch vụ tại các điểm truy cập

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
		internet công cộng; dịch vụ điện tín, fax v.v...
135	Dịch vụ lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính	Dịch vụ phát triển, thiết kế các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ phát triển và thiết kế hệ thống và mạng, dịch vụ sản xuất phần mềm trò chơi trên máy vi tính, dịch vụ tư vấn phần cứng, phần mềm máy tính và hệ thống; dịch vụ cài đặt máy tính và thiết bị ngoại vi, dịch vụ quản lý mạng, dịch vụ quản lý hệ thống máy tính v.v...
136	Dịch vụ thông tin	Dịch vụ xử lý dữ liệu, dịch vụ cho thuê web, dịch vụ cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin, dịch vụ điều hành website, dịch vụ thông tấn báo chí và tạp chí, dịch vụ thông tấn cho các phương tiện nghe nhìn, dịch vụ thông tin qua điện thoại 1080, v.v...
137	Dịch vụ trung gian tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	Dịch vụ của ngân hàng trung ương, dịch vụ tiền gửi của các ngân hàng thương mại cho các loại đối tượng; dịch vụ cho vay của các ngân hàng thương mại cho các loại đối tượng; dịch vụ thẻ tín dụng, dịch vụ thanh toán thương mại qua hệ thống ngân hàng; dịch vụ bảo lãnh của ngân hàng; dịch vụ của các công ty nắm giữ tài sản, quỹ tín thác; dịch vụ cho thuê tài chính; v.v...
138	Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ và tái bảo hiểm nhân thọ;	Bảo hiểm tử kỳ 10 năm, 15 năm, 20 năm; bảo hiểm bổ trợ tử kỳ đến tuổi 55, 60, 65; bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp giáo dục; bảo hiểm an sinh giáo dục, an sinh lập nghiệp; bảo hiểm tích lũy 10 năm, 15 năm, 20 năm; bảo hiểm hỗn hợp có thời hạn với số tiền bảo hiểm tăng lên lúc đáo hạn; bảo hiểm giáo dục hỗn hợp và cao cấp, bảo hiểm bổ trợ tử kỳ các loại, bảo hiểm phú an Khang, bảo hiểm phú tích lũy v.v...
139	Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm phi nhân thọ	Bảo hiểm tài sản và thiệt hại, bảo hiểm trách nhiệm chung, bảo hiểm trách nhiệm dân sự các loại, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm hàng hóa vận chuyển các loại, bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu, bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm trợ cấp nằm viện và phẫu thuật, bảo hiểm sinh mạng con người, bảo hiểm tai nạn học sinh, bảo hiểm toàn diện học sinh, bảo hiểm du lịch, bảo hiểm cây trồng và vật nuôi, bảo hiểm xây dựng và lắp đặt,

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
		bảo hiểm tiền gửi v.v...
140	Dịch vụ tài chính khác	Dịch vụ điều hành giao dịch của các sở giao dịch chứng khoán, dịch vụ môi giới chứng khoán, dịch vụ môi giới hàng hóa, dịch vụ quản lý và ủy thác chứng khoán, hàng hóa, tài sản, dịch vụ tư vấn chứng khoán, tư vấn tài chính, dịch vụ huy động tài chính và vốn mạo hiểm (chơi hội, chơi họ v.v...); tư vấn bảo hiểm; dịch vụ giám định, đánh giá rủi ro và thiệt hại, dịch vụ đại lý, môi giới bảo hiểm, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư; v.v...
141	Dịch vụ kinh doanh bất động sản	Dịch vụ mua, bán nhà, đất, quyền sử dụng đất trống để ở và không để ở; dịch vụ cho thuê nhà để ở, để sản xuất, kinh doanh; dịch vụ cho thuê đất, nhà kho, địa điểm trưng bày; dịch vụ của các nhà môi giới bất động sản; dịch vụ tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất v.v...
142	Dịch vụ pháp lý, kế toán và kiểm toán	Dịch vụ của các văn phòng luật sư, dịch vụ của các văn phòng công chứng, dịch vụ hòa giải và trọng tài, dịch vụ kiểm toán, dịch vụ kế toán, dịch vụ tư vấn thuế; dịch vụ phác thảo, xác nhận bảo hộ bản quyền, bằng sáng chế, quyền sở hữu trí tuệ v.v...
143	Dịch vụ của trụ sở văn phòng; dịch vụ tư vấn quản lý	Dịch vụ quản lý trụ sở văn phòng của các đơn vị độc lập, dịch vụ PR, dịch vụ quản lý dự án (trừ dự án xây dựng), dịch vụ tư vấn quản lý kinh doanh liên quan đến đưa ra chính sách, tổ chức, hệ thống pháp lý, kế hoạch chiến lược kinh doanh, hệ thống quản lý thông tin, v.v...
144	Dịch vụ kiến trúc; kiểm tra và phân tích kỹ thuật	Dịch vụ kiến trúc xây dựng nhà, công trình công nghiệp, khu vui chơi giải trí, công trình giao thông,...; dịch vụ kiến trúc phục chế; dịch vụ tư vấn kiến trúc; dịch vụ kiến trúc cảnh quan; dịch vụ đo đạc bản đồ; dịch vụ tư vấn địa chất; dịch vụ tư vấn kỹ thuật cho các chuyên ngành cụ thể ; dịch vụ kiểm tra, phân tích nước, không khí, rác thải, thực phẩm, vi khuẩn học; dịch vụ đăng kiểm xe ô tô; v.v...

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
145	Dịch vụ nghiên cứu khoa học và phát triển	Dịch vụ nghiên cứu, phát triển giống cây trồng, vật nuôi mới; dịch vụ nghiên cứu phát triển công nghệ mới; dịch vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học mới v.v...
146	Dịch vụ quảng cáo và nghiên cứu thị trường	Dịch vụ vẽ biển, tranh ảnh quảng cáo; dịch vụ phát tờ rơi quảng cáo, gọi điện, gửi email quảng cáo; dịch vụ bán thời gian và không gian để làm biển quảng cáo, chương trình quảng cáo; dịch vụ điều tra nghiên cứu thị trường qua thư tín, email, phỏng vấn trực tiếp; dịch vụ thăm dò dư luận qua thư tín, email, web, phỏng vấn trực tiếp; v.v...
147	Dịch vụ chuyên môn, khoa học và công nghệ khác	Dịch vụ thiết kế nội thất; dịch vụ trang trí nội thất; dịch vụ thiết kế sản phẩm công nghiệp; dịch vụ thiết kế trang phục, giấy dép, đồ trang sức, mũ; dịch vụ thiết kế bao bì, thiết kế đồ họa; dịch vụ chụp ảnh, quay camera; dịch vụ sao lưu, phục chế ảnh cũ; dịch vụ dự báo thời tiết; dịch vụ định giá đồ cổ, đồ có giá; dịch vụ tư vấn môi trường; dịch vụ dịch thuật và phiên dịch; dịch vụ môi giới mua bán bản quyền v.v...
148	Dịch vụ thú y	Tiêm phòng vật nuôi, ...
149	Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	Dịch vụ cho thuê ô tô, xe có động cơ không kèm người điều khiển; dịch vụ cho thuê xe đạp, sân bóng, lều bạt (trừ trường hợp dịch vụ này là một phần của khu vui chơi giải trí); dịch vụ thuê đầu, đĩa video, dàn âm thanh; dịch vụ cho thuê bát đĩa, cốc chén, phong màn, bàn ghế; dịch vụ cho thuê quần áo và giấy dép; dịch vụ cho thuê sách báo, truyện; dịch vụ cho thuê hoa và cây cảnh; dịch vụ cho thuê máy kéo, máy tuốt lúa, máy gặt... không kèm người điều khiển; dịch vụ cho thuê máy móc văn phòng không kèm người điều khiển; dịch vụ cho thuê bằng dược sỹ, bác sỹ, bằng kế toán, bằng kiểm toán, bằng phát minh sáng chế, quyền sở hữu trí tuệ, v.v...
150	Dịch vụ lao động và việc làm	Dịch vụ tư vấn, môi giới, giới thiệu việc làm; dịch vụ cung ứng lao động; v.v...

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
151	Dịch vụ của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	Dịch vụ chuẩn bị tour du lịch (từ đặt vé, thuê xe, đặt khách sạn, đặt đồ ăn...), dịch vụ hướng dẫn viên du lịch; dịch vụ xúc tiến du lịch, v.v...
152	Dịch vụ điều tra bảo đảm an toàn	Dịch vụ canh gác, bảo vệ; dịch vụ điều tra, giám sát; dịch vụ kiểm soát, duy trì hệ thống chuông báo trộm, chuông báo cháy v.v...
153	Dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan	Dịch vụ quét dọn vệ sinh, rác thải; dịch vụ đánh bóng đồ đạc; dịch vụ vệ sinh nhà cửa, lau cửa sổ, tẩy uế và tiệt trùng; dịch vụ diệt nấm, gián, mối; dịch vụ trồng, chăm sóc duy trì cảnh quan cho nhà riêng, khu công cộng, khu vui chơi, văn phòng v.v... do các tổ chức có đăng ký kinh doanh cung cấp
154	Dịch vụ hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác	Dịch vụ lễ tân, thủ quỹ, nhân sự; dịch vụ photocopy, in sao tài liệu; dịch vụ đánh máy, thư ký; dịch vụ tổ chức hội nghị, triển lãm; dịch vụ đóng gói; dịch vụ trả lời điện thoại; v.v...
155	Dịch vụ của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng và bảo đảm xã hội bắt buộc	Dịch vụ của Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội; dịch vụ quản lý nhà nước theo các ngành, lĩnh vực; dịch vụ cảnh sát; dịch vụ phòng cháy chữa cháy; dịch vụ của tòa án các cấp; trợ cấp cho những người mất thu nhập như ốm đau, thai sản, thương tật; v.v...
156	Giáo dục và đào tạo (trừ đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học)	Dịch vụ giáo dục và đào tạo cho nhà trẻ, mẫu giáo, tiểu học, trung học phổ thông, ; dịch vụ giáo dục trực tuyến; dịch vụ dạy nghề, dạy các môn thể thao, môn nghệ thuật, lái ô tô, tàu, thuyền; dịch vụ dạy ngoại ngữ, tin học, viết chữ đẹp, nhạc, vẽ; dịch vụ tư vấn giáo dục v.v...
157	Dịch vụ đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học	Dịch vụ đào tạo cao đẳng, đại học, cao học, nghiên cứu inh
158	Dịch vụ y tế	Dịch vụ khám chữa bệnh, xét nghiệm, chuẩn đoán tại các bệnh viện, trạm y tế; phẫu thuật thẩm mỹ, phẫu thuật y tế; dịch vụ tư vấn và khám thai, đỡ đẻ; dịch vụ lấy cao răng, chỉnh hình thẩm mỹ răng; dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
		dịch vụ vật lý trị liệu trong các bệnh viện; dịch vụ cấp cứu; dịch vụ châm cứu; v.v...
159	Dịch vụ chăm sóc, điều dưỡng tập trung	Dịch vụ của các nhà nuôi dưỡng bệnh binh, thương binh; dịch vụ nhà dưỡng lão, nhà điều dưỡng; dịch vụ chăm sóc trẻ em bị tâm thần; sức khỏe người cai nghiện, đối tượng mại dâm; v.v...
160	Dịch vụ trợ giúp xã hội không tập trung	Dịch vụ thăm hỏi, giúp đỡ người có công, người già, người tàn tật; dịch vụ chăm sóc trẻ hàng ngày; v.v...
161	Dịch vụ sáng tác, nghệ thuật và giải trí	Dịch vụ biểu diễn của diễn viên, người mẫu, dẫn chương trình, nhà soạn nhạc, múa ; dịch vụ biểu diễn múa rối, xiếc; dịch vụ sáng tác âm nhạc, điêu khắc, họa sỹ, nghệ sỹ khác; dịch vụ phục chế các tác phẩm nghệ thuật; nhà báo, phóng viên; v.v...
162	Dịch vụ của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hoá khác	Dịch vụ cho thuê sách, đĩa ghi âm của thư viện; dịch vụ lưu trữ; dịch vụ trưng bày các tác phẩm nghệ thuật' dịch vụ của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên; v.v...
163	Dịch vụ xổ số, cá cược và đánh bạc	Dịch vụ xổ số, cá ngựa, cá đua chó, cá thi đấu thể thao v.v...
164	Dịch vụ thể thao, vui chơi và giải trí	Dịch vụ của các sân vận động, bể bơi, sân golf, cơ sở thể dục thẩm mỹ (trừ hoạt động giảng dạy); dịch vụ trọng tài, hướng dẫn viên thể thao; dịch vụ thể thao nhày dù, bay lượn; dịch vụ của các khu công viên, vui chơi giải trí, sàn nhảy, quán karaoke, du thuyền; dịch vụ đôt pháo hoa, biểu diễn âm thanh, ánh sáng v.v...
165	Dịch vụ của các hiệp hội, tổ chức khác	Dịch vụ của các hiệp hội kinh doanh, hội nghề nghiệp, dịch vụ công đoàn, tổ chức tôn giáo; v.v...

STT	Tên ngành	Giải thích ngành
A	B	C
166	Dịch vụ sửa chữa máy tính, đồ dùng cá nhân và gia đình	Dịch vụ sửa chữa máy tính, máy vi tính, ô đĩa các loại, máy in, điện thoại, tivi, đầu máy video, máy giặt, tủ lạnh, lò vi sóng, lò nướng, điều hòa nhiệt độ; sửa chữa giày dép, túi xách, đồng hồ, đồ trang sức; sửa chữa xe đạp; sửa chữa quần áo; v.v...
167	Dịch vụ phục vụ cá nhân khác	Dịch vụ tắm hơi, massage, giặt là, nhuộm vải, , cắt tóc, gội đầu, thẩm mỹ; dịch vụ tang lễ, đám cưới, đám hỏi; dịch vụ chăm sóc vật nuôi, cây cảnh; v.v...
168	Dịch vụ làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	Dịch vụ bảo mẫu, dịch vụ nấu ăn (giúp việc nấu ăn theo giờ, lao động tự do (không đăng ký kinh doanh) nấu cỗ cưới, hội nghị...), dịch vụ gia sư; dịch vụ vệ sinh, xử lý rác thải, nước thải v.v... do các cá nhân/tổ chức không đăng ký kinh doanh cung cấp